



DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Ống thép + Kim loại đen

SỐ ĐHXN - № заявки: 90.TTAT-0142/26-TVT

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ						
1	037.028.00007*	Lưới sắt (50mm×50mm) - Железная сетка	Lưới sắt: - kích thước 50mm x50mm - có mạ kẽm	M2	100,00	
2	037.026.00038*	Sắt hộp 40x40x2 mm - Квадратная труба	Sắt hộp: Kích thước 40mmx40mmx2mm - có mạ kẽm	Metre	288,00	
3	037.013.00013*	Ống Sắt Ø 27 - железная труба Ø 27	Ống sắt: - Phi: 27 mm - Độ dày: 2mm - có mạ kẽm	Metre	42,00	
4	037.013.00014*	Ống Sắt Ø 50 - железная труба Ø 50	Ống sắt: - Phi 50mm - độ dày: 3mm - có mạ kẽm	Metre	66,00	
5	037.029.00003*	Tôn 2 mm mạ kẽm - Листовой металл 2mm	Tôn: - dày 2mm - có mạ kẽm	M2	3,00	
6	037.029.00004*	Tôn 10mm mạ kẽm - Листовой металл 10 mm	Tôn: Dày 10 mm - có mạ kẽm	M2	4,00	
7	037.016.00043*	Sắt U 12 - сталь U12	Thép : U12 (U120) - Chiều cao bụng 120mm, cạnh rộng: 50mm, dày 5mm - Có mạ kẽm	Metre	12,00	

(*) : New items

Phó Giám đốc thứ nhất TTAT & BVMT/ Первый зам. директора ЦБВРиООС:

Đinh Trung Kiên

Ký tắt/Viza:

Trưởng ban U'CSC – Начальник СЛА: :

Nguyễn Bá Cường

Người thực hiện / Исполнитель:

Nguyễn Kim Sơn - ĐT : 3839